

QUANG TRUNG HOÀNG ĐẾ NGUYỄN HUỆ (1753-1792)

Em thứ hai của Nguyễn Nhạc, tên là Nguyễn Huệ còn có tên Nguyễn Văn Thơm, Nguyễn Văn Bình, đương thời gọi ông Ba Thơm, sinh 1753, tham gia khởi nghĩa năm 18 tuổi.

Năm 1776, làm Phụ Chính cho Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc.

Cuối 1784, tổng chỉ huy quân đội đánh bại quân Xiêm La tại Rạch Gầm-Xoài Mút.

Năm 1786 được phong là Bắc Bình Vương cai quản vùng đất từ Quảng Nam ra Bắc.

Ngày 25 tháng 11 năm (Mậu Thân) tức 22-12-1788 lên ngôi hoàng đế niên hiệu Quang Trung.

Xuân Kỷ Dậu (1789) đại phá quân Thanh trong trận Ngọc Hồi-Đống Đa.

Mất ngày 16-9-1792 thọ 39 tuổi.

Ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788), được tin báo quân Thanh xâm lược đã vào nước ta, Nguyễn Huệ làm lễ tế cáo trời đất ở phía Nam núi Ngự Bình ở Phú Xuân lên ngôi Hoàng đế niên hiệu Quang Trung rồi lập tức ra lệnh xuất quân, đến Nghệ An lấy thêm quân.

Quân số khoảng 10 vạn với vài trăm voi chia ra làm 5 doanh –

Quang Trung mở cuộc duyệt binh kêu gọi tinh thần chiến đấu của quân sĩ.

Ngày 20 tháng chạp đến Tam Điệp. ông hạ lệnh cho quân sĩ ăn Tết nguyên đán trước và hẹn ngày mồng bảy tháng giêng Kỷ Dậu "sẽ vào thành Thăng Long mở tiệc ăn tết khai hạ". Đất Bắc đang vào những ngày đầu xuân

Quang Trung dụng binh thần tốc, đêm 30 tháng Chạp quân Tây Sơn vượt bến đò Gián Khẩu đánh tan quân trấn thủ Sơn Nam Hoàng Phùng Nghĩa.

Ngày mồng 3 tháng giêng Kỷ Dậu, tiến sát đồn Ngọc Hồi. Hạ Hồi cách trung tâm Thăng Long khoảng chừng 20 km về phía Nam. Quân Tây Sơn bao vây 4 phía bắt loa gọi đầu hàng. Quân Thanh sợ hãi không dám chống cự đua nhau ra hàng, nộ hết khí giới lương thực.

Sáng ngày mồng 5 đến đồn Ngọc Hồi quân Mãn Thanh đóng kín cổng thành, bắn tên như mưa. Trên thành cắm công, bố trí súng hỏa pháo. Nguyễn Huệ thân đốc chiến cho hơn 100 voi tiến trước, quân Tây Sơn mang lá chắn bằng ván và rơm, dắt đoản đao, vượt qua súng đạn và chông sắt xông vào đánh xáp lá cà với quân Thanh.

Giặc không địch nổi, bỏ đồn xéo lên nhau mà chạy. Trong trận này, quân Thanh chết quá nửa.

Thừa thắng, quân Tây Sơn phá vỡ luôn các đồn Văn Điển, Yên Quyết. Tướng giặc Trương Sĩ Long, Hứa Thế Thanh, Thượng Duy Thăng tử trận. Ở mặt trận khác, đô đốc Long đem quân chọc thẳng đồn Khương Thượng trong khi đó một toán quân Thanh bị đánh lạc vào đầm Mực nhiều tên chết vì bị voi ngựa giày đạp. Ở đồn

phươngThượng, tri phủ Điền Châu Sầm Nghi Đống cạm thế chạy đến gò Đống Đa, Lương lũy Nam Đồng thật cổ tự vẫn.

Ngay khi được tin đồn KhươngThượng bị mất, Tổng đốc Quảng Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt cầm đầu chạy trốn, quân sĩ nhốn nháo tranh nhau qua cầu phao. Cầu gãy, vô số quân giặc bị chết đuối.

Cánh quân Vân Nam, Quý Châu nghe tin quân Thanh đại bại, Tôn Sĩ Nghị trốn chạy, bèn vội vã rút về Trung Quốc.

Lê Chiêu Thống cùng 25 cận thần theo bại tướng Mãn Thanh về Yên Kinh. Vua Càn Long có ý muốn đưa Lê Chiêu Thống về Việt Nam lần nữa nhưng Phúc An Khang dụ Lê Chiêu Thống làm giả người Mãn Thanh và sau đó tâu vua Càn Long là Chiêu Thống muốn ở lại Trung Quốc nên Càn Long phong cho Chiêu Thống chức quan Tam Phẩm.

Chiêu Thống uất ức và chết sau 5 năm sống lưu vong, thọ 28 tuổi

Như vậy, nhà Lê Trung Hưng từ Lê Trang Tông (1533) cho đến Lê Chiêu Thống (1789) trải 18 đời với 265 năm trị vì.

Ngày mồng bảy, tháng giêng, năm Kỷ Dậu, quân dân Thăng Long ăn tết khai hạ mừng chiến thắng như lời hứa của vua Quang Trung. Vua Quang Trung áo bào còn vương mùi thuốc súng, trước ba quân mở tiệc ăn mừng.

Quang Trung đã làm đúng lời ông quyết với ba quân, đoàn quân đại thắng đã ăn Tết khai hạ giữa cảnh hồi sinh của Thăng Long giải phóng. Nguyễn Huệ đã cho đón một cành đào đất Bắc gửi về Phú Xuân cho vợ là công chúa Ngọc Hân, mang theo hương vị của khói súng, hương vị của mùa xuân, hương vị chiến thắng

Vua yết bảng an dân và ra lệnh tha chết cho giặc, quân Thanh còn sót lại lần lượt ra hàng.

Vua nói : nay ta tới đây thân đốc viện binh, chiến thủ ra sao đã có phương lược sẵn, chỉ nội 10 ngày nữa thế nào ta cũng quét sạch giặc Thanh, song ta nghĩ nước Thanh lớn hơn ta gấp 10 lần, Thanh bị thua tất lấy làm thẹn phải tìm cách rửa hờn, nếu cứ để binh lửa kéo dài mãi thật không phải phúc trăm họ. lòng ta không nở. Nên chi, sau khi chiến thắng, ta nên khéo đường từ lệnh thì mới dập tắt được ngọn lửa binh tranh, việc từ lệnh đó ta sẽ giao cho Ngô Thời Nhiệm".

Việc binh giao cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân, về ngoại giao chính trị giao cho Ngô Thời Nhiệm và Phan Huy Ích –

Lần thứ hai Nguyễn Huệ ra Bắc rồi lại về Nam.

Tháng giêng năm ấy, vua Càn Long phong Nguyễn Huệ làm An Nam quốc vương.

Tháng ba năm Canh Tuất 1790, Phan Công Trị giả đóng làm Quang Trung cùng Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích sang Trung Quốc dự lễ mừng thượng thọ bát tuần của vua Càn Long.

Càn Long tiếp đón long trọng sứ đoàn nước ta.

Sau chiến thắng quân Mãn Thanh, vua Quang Trung quay lại Phú Xuân.

Tháng 5, ban chiếu khuyến nông và chiếu lập học, kêu gọi khẩn hoang, khôi phục sản xuất nông nghiệp, buộc dân phiêu tán phải trở về quê quán.

Trường học mở rộng xuống tận xã ấp, mượn đền chùa của phủ huyện để làm trường học.

Tháng 8 mở khoa thi Hương dùng chữ Nôm đầu tiên của triều Tây Sơn. Nguyễn Thiếp (La Sơn Phu Tử) làm chánh chủ khảo –

Vua xá thuế ruộng đất và cấp thẻ bài “thiên hạ đại tín” cho dân vào tháng 10 năm Canh Tuất (1790).

Năm 1791 thu thập đồ đồng tốt trong nước để chế tạo vũ khí và đúc tiền "Quang Trung thông bảo", lập kho chứa thóc

Tháng 3 Kỷ Dậu 1789 ban chiếu cho khắc in sách Ngũ Kinh, Tứ Thư và các bộ sử để lưu hành trong nhân dân.

Tháng 6 Tân Hợi (1791), cho thành lập viện Sùng Chính ở Nghệ An tập hợp được nhiều sĩ phu đương thời như Nguyễn Thiện, Phan Tố Định, Bùi Dương Lịch . Viện phụ trách giáo dục và chuyên dịch sách chữ Hán sang Nôm. La Sơn Phu Tử làm viện trưởng. Ông dịch xong các bộ Tiểu Học, Tứ Thư ra chữ Nôm và đang dịch Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh dịch.

Ngô Thời Nhiệm là một danh sĩ, tác phẩm gồm có Bang Giao tập , Nhi thập nhất sử trích yếu, Hải dương chí lược và tham gia biên soạn "Đại Việt Sử Ký tiền biên",

Phan Huy Chú rể của Ngô Thị Sĩ để lại các sách : Bang giao tập, Dụ am thi văn tập, Ngô Gia Văn Phái , Tinh sà kỹ hành.

Nguyễn Thế Lịch giỏi về y học tác giả các tập : Lý âm dương pháp thông lục, Liêu dịch phương pháp toàn thư. Năm 1777 ông chế ra một loại thuốc chống bệnh dịch đang lan tràn ở Sơn Tây.

Đàng Ngoài có Lê Hữu Trác (1724 - 1791) hiệu Hải Thượng Lãn Ông, đã xây dựng một nền y học dân tộc toàn diện về lý luận, phương pháp điều trị bằng các dược phẩm có trong nước. Tác phẩm để lại : Hải Thượng y tông tâm lĩnh, Y hải cầu nguyên, Vệ sinh yếu quyết, Nữ công thắng lãm...

Nguyễn Gia Thiều (được phong tước Ôn Như Hầu) là một nhà thơ vừa là người có khiếu thẩm mỹ trang trí nội thất, ông đã được chúa Trịnh Sâm mời vào bài trí, tu sửa trong phủ Chúa, ông là nhà thơ Nôm nổi tiếng với tác phẩm : Cung Oán Ngâm Khúc, Tây Hồ, Ôn Như Thi Tập

Sau khi trở lại Gia Định năm Canh Tuất 1790, Nguyễn Ánh cho xây lại thành Gia Định theo kiểu bát giác bên trong có điện Kiến Phương, Kim Hoa... đổi làm kinh Gia Định.

Năm Tân Hợi (1791) vào tháng 5, 6 cho nông dân vay một vạn hộ thóc, lập trường hải quân ở bến sông Tân Bình, cấp thuyền cho thương nhân sang Xiêm buôn gạo, giảm thuế cho thuyền buôn nước ngoài.

Năm 1790 vào tháng ba, Lê Duy Chi em ruột Lê Chiêu Thống gây loạn ở sứ Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quy hợp liên kết với quân Vạn Tượng mưu đánh Nghệ An.

Đốc trấn Nghệ An là Trần Quang Diệu đánh bại quân Vạn Tượng vào tháng 8, và tiến sâu vào đất nước này, đuổi vua Vạn Tượng chạy dài đến tận biên giới nước Xiêm mới lui quân về sau khi giết các tướng Phan Dung, Phan Siêu, bắt sống Thiều Kiên và Thiều Đế.

Bấy giờ đất nước phân chia 2 miền, từ Quy Nhơn ra Bắc thuộc Tây Sơn, phía Nam thuộc Chúa Nguyễn Phúc Ánh.

Năm 1790, đô đốc Hồ Văn Tự của Tây Sơn đem 9 ngàn quân đánh chiếm Nha Phân, Mai Nương (Thuận Hải) quân Nguyễn Ánh rút về Phan Rí. Nguyễn Ánh luôn luôn đề phòng và bổ sung lực lượng.

Tháng 6 Nhâm Tý (1792) thấy Nguyễn Nhạc tập trung nhiều chiến thuyền ở cửa Thi Nai, Nguyễn Ánh đem 128 chiến thuyền tấn công trước, đốt thủy trại của Tây Sơn rồi nhanh chóng rút về.

Năm đó Quang Trung sai tuyển 20 vạn quân chuẩn bị vào Gia Định đánh Nguyễn Ánh. Tháng 7, Quang Trung gửi hịch kêu gọi nhân dân Quảng Ngãi, Qui Nhơn hưởng ứng cuộc tấn công mà ông đang chuẩn bị nhưng đột nhiên Ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792) vua Quang Trung từ trần, ở ngôi 5 năm, thọ 40 tuổi., mọi kế hoạch của vua về việc câu hôn Công chúa nước Trung Hoa và dự định tiêu diệt Nguyễn Ánh phút chốc trở thành một giấc mơ mà người kế nhiệm không thể nào thực hiện được. Công chúa Ngọc Hân, vợ vua Quang Trung là con của vua Lê Chiêu Thống, được phong làm Bắc cung hoàng hậu vô cùng đau xót trước sự ra đi đột ngột của chồng mình ở tuổi 40. Bà viết bài Ai tứ Văn để khóc chồng và khóc cho số phận của đất nước và của chính mình. Về sau bà bị bắt phải uống thuốc độc quyên sinh hưởng dương 29 tuổi, hai con bị thất cổ chết.

NGUYỄN QUANG TOẢN (1789-1802)

Con thứ của vua Quang Trung, mẹ họ Phạm mất trước Quang Trung. Ở ngôi 10 năm, bị Gia Long bắt và giết năm 1802.

Nguyễn Quang Toản nối ngôi, cậu là Bùi Đắc Tuyên làm thái sư giám quốc, thân tóm quyền hành trong tay. Lúc đó Quang Toản mới 10 tuổi. Đối niên hiệu Cảnh Thịnh.

Đại thần trong triều ngoài trấn nghi kỵ lẫn nhau. Quang Toản không ngăn chặn nổi đành chỉ khóc mà thôi. Cận thần gièm pha về oai quyền Trần Quang Diệu quá lớn có thể làm phản –

Tư khấu Vũ Văn Dũng nổi loạn. Cha con Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở bị quan Tư Khấu Võ Văn Dũng giết chết. Dũng nghĩ là Trần Quang Diệu, Lê Văn Trung cũng là bè đảng với Tuyên nên sai người vào Qui Nhơn để giết. Diệu biết tin, nên đem quân ra Thuận Hóa, triều đình Tây Sơn hỗn loạn.

Nguyễn Ánh đã phân định với các tướng rằng : "Giặc chém giết nhau, có thể thừa cơ được."

Sau Quang Toản giải hòa.

Năm 1794 quân Tây Sơn được sự lãnh đạo của Nguyễn Văn Hưng, Lê Văn Trung, Trần Quang Diệu đem hơn 40.000 quân vào tái chiếm Phú Yên.

Năm sau có sự chính biến, tướng sĩ Tây Sơn phân tán, Nguyễn Ánh thừa cơ mở cuộc tấn công đánh lui quân Tây Sơn ở nhiều nơi.

Tháng 8-1 1795, Trần Quang Diệu bỏ Diên Khánh lui về Phú Xuân. Nguyễn Ánh để Tôn Thất Hội giữ Diên Khánh còn mình rút về Gia Định.

Tháng 7 Bính Thìn 1796, đặt ra 5 dinh thủy quân và mua đường để đổi lấy vũ khí.

Cuối năm đức tiền Gia Hưng thông bảo, đặt ra qui chế thi cử, cuối năm 1795 sai người sang Tàu mua sách.

Năm Đinh Tỵ (1797) tháng 4, Nguyễn Ánh đem 100 chiến thuyền đi đánh Quy Nhơn, Đông Cung đi theo, sai Tôn Thất Hội giữ thành Gia Định. Khi đến Quy Nhơn, Nguyễn Ánh nghỉ ở Quy Nhơn có trọng bệnh chưa đánh được, bèn cho thuyền đi thẳng Quảng Nam.

Sai Đông cung thái tử ước hẹn với Võ Tánh ở Phú Yên, ra vào cửa biển Đại Chiêm đánh lấy Chiêm Định (Quảng Nam) Nguyễn Ánh nghĩ đánh thì dễ nhưng giữ đất rất khó nên sau đó trở về Gia Định để Nguyễn Văn Thành trấn giữ Diên Khánh.

Tháng 2 Mậu Ngọ (1798) Miến Điện đánh Xiêm - Xiêm sai sứ sang xin quân cứu viện, Nguyễn Ánh cho 7000 lính thủy, 100 thuyền chiến dưới quyền của Nguyễn Huỳnh Đức - Nguyễn Văn Trương điều khiển.

Nguyễn Ánh sai Đặng Trần Thường, Nguyễn Công Thái, Tống Viết Phúc cùng Bá Đa Lộc Đông cung thái tử Cảnh ra trấn giữ miền Diên Khánh.

Sau khi các tướng của Quang Toản gửi vào Quy Nhơn để giúp Nguyễn Nhạc chống lại Nguyễn Ánh

Thắng trận - các quan viên này tóm thâu quyền hành vào Tây Sơn ở Phú Xuân. Nguyễn Nhạc tức quá thổ huyết chết.(1793)

Con là Bảo được cho một huyện để lấy đó thờ cúng tổ tiên. Bảo giận lắm, viết biểu xin hàng Nguyễn Ánh - Ánh chưa đưa quân vào kịp thì Bảo bị Toản sai quân giết chết.

Năm Kỷ Mùi 1799 tháng 4, Nguyễn Ánh đem đại binh vào đánh Quy Nhơn lần thứ 3. Hạ thành Quy Nhơn,

Nguyễn Ánh cho đổi tên là thành Bình Định, bắt hơn 1 vạn người. Võ Tánh, Ngô Tùng Châu được giao ở lại giữ thành.

Năm sau (1800) Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng đem đại thủy bộ vào đánh Quy Nhơn, chặn đường tiếp tế của quân Nguyễn Ánh từ Phú Yên vào, án giữ cửa biển Thi Nại bằng thuyền, vây hãm thành Bình Định. Võ Tánh, Tùng Châu cạn hết lương đành tự vẫn và nhắn gửi cho Nguyễn Ánh nên đem quân vào đánh Phú Xuân vì bao nhiêu binh hùng tướng mạnh của Tây Sơn đang ở Bình Định, Phú Xuân trống trải đánh ắt là thắng.

Nguyễn Ánh theo lời đánh chiếm Phú Xuân đuổi Quang Toản chạy ra Bắc Hà.

Tháng 6 năm Tân Dậu 1801, Võ Tánh tự thiêu, Tùng Châu uống thuốc độc quyên sinh.

Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng lấy được thành Qui Nhơn. Nguyễn Ánh cùng Lê Văn Duyệt, Lê Chất đem đại binh vào cửa Tư Hiền. Chất và Duyệt phá quân Tây Sơn ở núi Qui Sơn, Lê Văn Duyệt bắt được đô đốc Phan Văn Sách và Nguyễn Văn Trị,

Ngày Mậu Dần tháng năm Tân Dậu (1801) Nguyễn Ánh lấy được kinh đô. Tây Sơn bỏ chạy ra bắc, Nguyễn Ánh vào thành, coi các cung khuyết lấy được 13 cái ấn, 33 bản sách, cho niêm phong kho tàng, tịch biên tiền của, cấm quân không được nhiều hại để cho yên dân.

GIA LONG HOÀNG ĐẾ (1802-1820)

Nguyễn phúc Chung tự là PHÚC ÁNH, con thứ 3 của Nguyễn phúc Luân tức cháu nội Võ Vương Nguyễn phúc Khoát.

Nguyễn Ánh là người duy nhất còn sống trong 5 anh em, sinh ngày 15 tháng Giêng Mậu Ngọ (1762), chạy tránh Trịnh và Tây Sơn (1774) theo chúa Nguyễn vào Gia Định.

Năm 1780, chúa Nguyễn bị Tây Sơn giết, Nguyễn Ánh lên ngôi chúa, quy tụ lực lượng chống Tây Sơn, toàn thắng và lên ngôi hoàng đế 1802, niên hiệu Gia Long, 17 năm sau thì mất (1819) thọ 57 tuổi.

Năm 1802, Nguyễn Quang Toản sai Quang Thùy đem binh đánh Nguyễn Ánh - Bùi Thị Xuân, vợ Trần Quang Diệu cưỡi voi chỉ huy 5.000 quân. Quân Tây Sơn không thắng được lui về giữ Dinh Hà Trung.

Vua Gia Long cất đại quân dễ dàng vượt qua Nghệ An, Thanh Hóa, bắt được Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu ở Thanh Chương, bắt Võ Văn Dũng ở Thanh Hóa (Ngọc Xá) đem tàn binh Tây Sơn rút về Thăng Long.

Kinh thành hỗn loạn - bại binh không người chỉ huy trở thành quân cướp bóc, quan tướng Tây Sơn nghe Nguyễn Ánh tràn vào vội vàng tháo chạy lên Kinh bắc. Nguyễn Quang Toản cùng em vượt qua sông Nhi Hà đến Xương Giang vào trú ở chùa Thọ Xương bị dân bắt nộp cho Gia Long.

Ngày Đinh Tỵ tháng sáu năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long đã đến ngoài ô thành Thăng Long kêu gọi quân lính Tây Sơn ra hàng và phủ dụ an dân.

Ngày Canh Thân, Gia Long ngự giá vào thành Thăng Long

Đó là ngày thống nhất cả ba miền (Nam Bắc Trung). Gia Long trú tại Thăng Long, ngự điện Kính Thiên, các quan đến làm lễ triệu hạ.

Bố cáo trong ngoài biết rằng Bắc Hà đã đại định rồi.

Ban ấn đồng cho các trấn từ Nghệ An ra Bắc, lựa con cháu họ Trịnh để coi việc tế tự, tha thuế cho Bắc thành, yết miếu Lê Thái Tổ (Lê Lợi) cho lập miếu công

thần, phong cho con cháu vua Lê là Lê Duy Hoán làm Diên Tự Công đặt đốc học các trấn Bắc Thành.

Đặt Nguyễn Văn Thành làm tổng trấn, ban cho sức ấn, trong ngoài 10 trấn đều thuộc quyền cai quản của ông, đặt 3 bộ : Bộ Binh, Hình, Hộ, khi ngự giá từ Bắc Thành về Phú Xuân bảo Nguyễn Văn Thành rằng : việc Bắc thành này đều giao cho người nào do, người phải ráng sức. Thành lạy thọ mạng.

Ngày Kỷ Hợi tháng 10 Nhâm Tuất (1802) ngự tới Thanh Hoa yết lăng miếu ở Thiên Tôn Sơn miếu Triệu Tổ (Nguyễn Kim).

Ngày Quý Dậu tháng 11 (1802), lễ tế trời đất, thân kỳ, hôm sau đem tù cáo trước thế miếu rồi đem anh em Nguyễn Quang Toản, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng xử trị hết phép.

Triều Tây Sơn bắt đầu với Nguyễn Nhạc xưng Trung ương Hoàng đế năm Mậu Tuất (1778) đến năm Nhâm Tuất (1802) Cảnh Thịnh bị Gia Long bắt, triều đại Tây Sơn kéo dài 25 năm.

Năm 1802 Gia Long cho đúc 9 khẩu thần công, cho đắp sửa lại thành Thăng Long, lập Văn miếu ở các trấn.

Tháng 5, sắc "nhà đồ" ở Bắc Thành đúc tiền Gia Long Thông Bảo.

Tháng 6, sứ giả nước Anh dâng đồ sản vật xin được lập phố buôn ở núi Trà Sơn, Quảng Nam. Gia Long không chấp thuận. Nguyễn Công Trứ dâng 10 việc điều trần vua giao cho bộ Lại xét.

Gia Long ngự giá ra Bắc Hà vào tháng 10

Sứ Tàu là Bồ Tế Sâm tháng Giêng năm Giáp Tý 1804, đem sức và quốc ấn sang tuyên phong đề nghị đổi quốc hiệu Việt Nam thay vì Nam Việt như lời yêu cầu của Gia Long.

Vua Gia Long thuận theo lời đề nghị này của Hoàng đế Trung Quốc, đặt quốc hiệu nước ta là Việt Nam

Từ đó với các nước lân bang như Xiêm, Chân Lạp đều có mối giao hảo tốt.

Tháng 2 năm 1803, tặng một số phẩm vật quý cho vua Xiêm.

Tháng 2/1804 đúc ấn 6 bộ (Binh, Hình, Hộ, Công, Lễ, Lại).

Tháng 10/1803 xuống chiếu sĩ phu Bắc Thành họp bàn về lợi hại của đề điều nên đắp đê hay bỏ đê ?

Tháng 4 (1804) cho thu thập sách còn cất giữ trong dân gian. Lê Quý Đôn dâng 6 quyển Tật Lục và 2 quyển Quân Thư Khảo biên của Đôn làm ra.

Cấp lương cho các quan dạy học ở Quốc Tử Giám.

Tháng 8 (1803), Nguyễn Công Trứ người huyện Nghi Xuân dâng 10 việc điều trần, Trứ là người văn võ song toàn.

Tháng Giêng 1826, Nguyễn Công Trứ đem quân đánh Lê Duy Lương.

Tháng 3 - 1828, Trứ được cử lãnh chức Doanh điền sứ chiêu mộ dân khẩn hoang ở vùng Nam định.

Năm 1805, vào tháng 6, người Chà Và đem quân cướp đảo Côn Lôn.

Tháng 8/1804 quan tài vua Lê Chiêu Thống ở Tàu về, vua sai quan Bắc Thành cấp tiền gạo cho lính hộ tống đem về an táng tại quê nhà ở Thanh Hóa.

Năm Bính Dần (1806) tháng 5 ngày Ất Tị, lên ngôi hoàng đế ở điện Thái Hòa, đánh chuông vàng hạ chiếu cáo khắp nơi ban tám điều ân xá, định ngày triều ứng, ngày sóc, vọng để thiết đại triều ở điện Cần Chánh. Ngày 5, 10, 22, 25 thiết thường triều ở điện Cần Chánh, cho sửa lại thuế, tha thuế 3 năm cho lưu dân,

Định lệ thử lúa nạp thuế : lấy 1 thăng lúa đổ vào nước, lúa nổi ở trong 2 phần trăm là đủ tiêu chuẩn để nộp, vì rằng lúa ấy trong 100 phần chỉ có 2 phần là lúa lép mà thôi - lúa lép thì nó mới nổi.

Vua nước Xiêm đem dâng 3 chiến thuyền để tỏ lòng thân phục Gia Long. Vua sai đưa sứ Xiêm về kinh chiêm bài rồi cấp cho tiền về.

Tháng 9-1807 Nặc Ông Chân vua Chân Lạp sai sứ sang nước ta xin thọ phong, vua Gia Long phong cho làm Cao Man quốc vương.

Tháng 12.1806 Lê Quang Định dâng sách “Địa dư nhất thống chí” gồm có 10 quyển –

Từ khi lên ngôi, dưới triều Gia Long trong nước có nhiều đám giặc cỏ nổi lên từ miền Bắc cho đến miền Trung, ở Cao Bằng, Hải Dương cho đến Nghệ An, Quảng Ngãi nhưng Gia Long khôn khéo cho quân vừa đánh vừa phủ dụ.

Tháng Giêng 1809, đặt chức Đô chính ở Bắc Thành để trông nom việc đê điều. Tháng 7 năm ấy định lệ đặt thuế thuyền buôn ở Hà Tiên, Xiêm La, Hạ Châu có 13 điều.

Năm 1810 khi trước Nặc Chân giận Xiêm, nhưng ý có nước ta bảo hộ đến khi nghe sứ Xiêm sang nước ta, Nặc Chân tưởng ta giao hiếu với Xiêm sợ lắm, sai người sang trần tình. Vua Gia Long đưa thư vỗ an và dụ rằng phải sai sứ sang Xiêm để kết nghĩa giao hiếu, Chân được thư mừng lắm dâng biểu trần tạ.

Tháng 3 năm Nhâm Thân (1812), Nặc Nguyên là em Chân làm loạn, muốn chiếm ngôi đánh đuổi Nặc Chân phải chạy về Tân Châu. Gia Long sai quan Tổng Trấn Tả quân Lê Văn Duyệt và Hiệp trấn Ngô Nhân Tĩnh đem 13.000 quân (năm 1813) đưa Nặc Chân về nước Cao Man - Nặc Chân vào thành La Bích - Lê Văn Duyệt thấy thành La Bích chật hẹp nên xây thành mới là thành Nam Vang và thành Lô Yêm để cho Phiên Vương ở và có chỗ trú lương thực.

Tháng 7 làm xong thành, vua Gia Long thấy Phiên quốc mới yên, kho tàng thiếu thốn nên viện trợ cho Nặc Chân 3.500 lạng bạc, 5.000 quan tiền, 10.000斛 lúa để chi dùng. Trước khi rút quân về để lại quan hiệp trấn là Nhân Tĩnh cùng 1000 quân ở lại Nam Vang để bảo hộ nước này.

Năm 1819, đào sông Châu Đốc thông với Hà Tiên gọi là sông Vĩnh Tế. Lấy 5.500 người Việt và 5.000 dân Chân Lạp để cùng làm công trình thủy lợi này - cùng năm này cho đào thêm 2 sông khác là sông Bảo Định từ vùng Cù Úc đến sông Mỹ Tho - sông An Thông đào từ sông Mã Trường đến thành Phiên An, công trình sông An Thông cũng sử dụng 10.000 dân phu để đào.

Tháng 4, năm Giáp Tuất (1811) vua cho đào sông An Cựu để chứa nước khi hạn, tháo nước khi lụt. Sông này nằm ở phía Nam sông Hương đến xã Thân Phù giáp cửa Hà Trung.

Tháng 7 năm Mậu Thìn 1808, cho đắp đập Hà Trữ ở đầm Hà Trung bởi vì đất ruộng gần biển nên nước mặn thường tràn vào Huế, cho đắp thêm đập Kim Đôi, đập An Xuân.

Tháng 11 năm 1817, đào vét sông Tam Khê rộng 10 sào 8 trượng sông cách trấn Vĩnh Thanh 214 dặm (tây Nam).

Năm 1815, đội Hoàng Sa là Phạm Quang Anh ra đảo Hoàng Sa thăm dò đường biển vào tháng 2 - đến tháng 3 năm Bính Tý (1816)

Thủy quân và đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa để lập hải trình và trấn thủ.

Năm 1817 vào tháng 6, thuyền Ma Cao đậu ở Đà Nẵng đem dâng địa đồ đảo Hoàng Sa được vua Gia Long thưởng 20 lượng bạc.

Tàu của Pháp đưa thư cho Chaigneau xin vào dâng sản vật ở kinh thành. Nhưng Gia Long lấy cớ là không có quốc thư nên chỉ cho quan lại ở Quảng Nam tiếp mà thôi.

Tháng 6 năm Mậu Dần (1818), chuẩn y cho thương nhân Ma Cao và Pháp được buôn bán ở Gia Định, được nộp thuế bằng mọi thứ bạc và tiền có giá trị - đo định ngạch thức cho hai nước này.

Nguyễn Văn Thành người Thừa Thiên nhưng vào Nam sống đã qua hai, ba đời. ông là công thần của Gia Long, theo vua từ khi mới khởi nghiệp. Là người có học, không những giữ chức trung quân, ông còn được cử làm tổng tài coi việc soạn sách luật và quốc sử. Con trai ông là Nguyễn Văn Thuyên làm bài thơ xướng họa, bị Lê Văn Duyệt phát giác cho là có ý muốn phản loạn. Vua Gia Long ra lệnh chém Thuyên. Nguyễn Văn Thành uống thuốc độc mà chết. Bài văn tế "Chiến sĩ trận vong" hiện còn truyền tụng là của Nguyễn Văn Thành.

MINH MẠNG HOÀNG ĐẾ (1820-1840)

Nguyễn Phước Hiệu, hiệu Phước Đảm, con thứ tư của vua Gia Long, mẹ là Thuận Thiên Cao hoàng hậu.

Sinh 1791, ở ngôi 20 thọ 49 tuổi.

Tháng 5-1838, định ra chương trình học trò ở quán Tứ Dịch học tập văn tự ngoại quốc. Mỗi tháng đầu thì học chữ Tây, mỗi ngày 2, 3 chữ, chữ Thái ngày 7, 8 chữ. 5 tháng sau thì số chữ học tăng lên 3, 4 lần.

Sắc cho tỉnh Bình Thuận chọn những người am tường chữ Chăm và Bani để dạy học

Truyền Hà Nội. lựa người Tàu để dạy người mình học nói tiếng nước Tàu, Tỉnh Tuyên Quang, Vĩnh Điện lựa người Thổ để dạy tiếng và chữ Thổ.

Tháng 7.1835, vua dụ bộ Lễ rằng : Xưa có chức Ký, Đê, Tượng, Dịch đều là chức thông ngôn hiểu phong tục, tiếng nói của các nước khác nhau, triều ta nay giáo thanh ra khắp 4 phương, phần nhiều các nước phía Đông, phía Tây đều trèo núi vượt khơi tới châu, vậy nên cần kẻ tập quen tiếng nói và chữ viết ngoại quốc để phòng khi thông dịch.

Các trẻ từ 16 tuổi sắp xuống mà tính chất lanh lợi lại hơi thông kinh sử thời bộ phải kể tên tâu lên, triều đình sẽ cấp lương cho học tập tiếng nói chữ viết các nước gần xa.

Chờ khi học tập thành mà lại có tài trí, kiến thức sẽ xét dùng –

Vua lại truyền nội các rằng : "Chữ Âu châu chỉ có 24 chữ cái, nếu hiểu được 24 chữ ấy thời chữ khác cũng tự đó suy ra mà học tập".

Tháng 10.1839, phân phái quân thuyền ra ngoại quốc để làm việc công. Trần Tú Dĩnh, Đào Trí Phú qua Tân Gia Ba ; Trần Bưu, Cao Hữu Tân qua Tam ba rãng ; Nguyễn Đức Long, Lê Bá Tú qua Tiểu Tây dương ; Nguyễn Đại Bản, Nguyễn Du Hoa qua Hạ Châu.

Minh Mạng nghe nước Pháp vốn là nơi đô hội khiến Trần Viết Xương, Tôn Thất Thường đem hai người thông ngôn đến Tân Gia Ba lên thuyền, qua nước Pháp mua đồ.

Tháng 4.1839, vua Minh Mạng ngự ra cầu Bến Ngự xem thí nghiệm tàu chạy bằng hơi nước, lúc trước sai Võ Khô chế tạo tàu ấy, nhưng khi đem xe chở ra sông thì nồi nước bị vỡ nên không chạy được, nay làm lại được, máy vận hành tốt vua ban thưởng cho giám đốc Hoàng Văn Lịch, Võ Huy Trinh mỗi người một cái nhẫn pha lê. Vua nói : "Tàu này mua bên Tây cũng được, nhưng muốn cho công tượng nước ta tập quen máy móc cho khéo vậy nên chẳng nên nề hà tiền bạc gì".

Tháng 10, xuất thêm 1 chiếc và tháng 7-1840, sản xuất thêm 3 chiếc đặt tên Yến Phi, Vân Phi, Vụ Phi.

Tháng 7-1837, làm xe máy cửa ván bắt chước theo kiểu Pháp, lúc đầu dùng sức kéo của trâu bò, sau dùng sức đổ của thác nước.

Nhà máy đặt ở thác đài làng Dương Hòa ở Hữu Ngạn thượng nguồn sông Hương. Sai Trương Viết Suy chế tạo xe "Thủy hỏa ký tế", xe nước, xe chữa cháy tiện dùng trong dân chúng.

Trước đó vua sai Chaigneau lên Thái Nguyên khám xét việc khai thác mỏ bạc Tống Tinh, *Minh Mạng biết chuyện đó do đọc nhật báo của Tây*, về sau Phan Thanh Giản lên thế.

Tháng 9-1839, tổng đốc Tôn Thất Lang đào cừ dẫn nước khai khẩn hơn 1000 mẫu ở Phú Yên được vua ban thưởng.

Nguyễn Công Trứ có công khai khẩn vùng Hải Dương - Nam Định.

Năm 1833 sai bộ Công sửa soạn thuyền bè ra đảo Hoàng Sa để đóng cọc bãi, lập miếu, dựng bia, trồng cây để tàu chuyển đi qua thấy mà khỏi mắc cạn, rồi sai vẽ bản đồ, hải đồ, địa hành khu vực.

Thủy quân Đại Tá Pháp là Bougainville mang hai tàu chiến vào cửa biển Đà Nẵng dâng phẩm vật và quốc thư, xin bang giao nhưng vua Gia Long lấy cớ triều đình Đại Nam không ai biết tiếng Pháp nên không tiếp.

Triều đình Huế gọi những người chống đối là "Ngụy", mỗ mả của những người này gọi là "mả ngụy", có người bị san bằng mỗ mả hoặc mộ phần bị xiềng bằng xích sắt.

Thời Minh Mạng có nhiều giặc giã, trong thì Phan Bá Vành, Lê Văn Khôi; Ngoài thì Xiêm La, Chân Lạp - Quân Xiêm La nhân cơ hội Lê Văn Khôi cầu cứu ý muốn đánh ta vì Chân Lạp không thần phục nữa.

Tháng Chạp 1833, 100 binh thuyền Xiêm xâm phạm tỉnh Hà Tiên. triều đình cử hải quân đến An Giang chặn đánh địch dưới quyền thống lĩnh của Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân.

Ở Nam Vang cũng bị Trương Minh Giảng - Trương Phúc Đĩnh đánh, Chất Tri tướng Xiêm chạy. Cánh Cam Lộ - Quảng Tri bị Lê Văn Thụy phá tan, bắt được tướng Xiêm là Man sắc Khôn-la mân. Cánh Trấn Ninh do Bố chánh Nguyễn Đình Tân, án sát Võ Đình quản vệ đạo Trấn Tĩnh là Nguyễn Văn Thu chống giặc Xiêm.

Năm 1840 vua xuống chiếu kiểm tra dân số. Bộ Hộ báo cáo tổng số hộ trong nước như sau :

- Năm 1818 dân số : 612.912 hộ
- Năm 1839 dân số : 970.516 hộ.
- Ruộng đất : 4.063.892 mẫu
- Thóc thuế : 2.804.744 hộc,
- Tiền thuế : 2.852.462 quan,
- Về bạc 121.114 lạng, vàng : 1.471 lạng.

Để dễ dàng điều hành và quản lý đất nước, vua cho đặt nội các ở trong cung năm 1829.

Lập ra Cơ Mật Viện vào tháng 12 năm 1834, dùng 4 đại thần đeo kim bài để phân biệt, Cơ Mật Viện là cơ quan cùng vua bàn bạc và quyết định các vấn đề hệ trọng nhất của đất nước.

Năm 1831, chia nước ra làm 31 tỉnh, tỉnh là đơn vị hành chính, có tổng đốc tuần phủ, bố chính và án sát để điều hành việc dân..

Tháng 10/1835, vua cho đúc 9 cái đỉnh đặt ở trước Thái Miếu, cánh có hoa văn hình núi sông vật tượng gọi là Cao, Nhơn, Chưõng, Anh, Nghi, Thuần, Truỵện, Dù, Hуền.

Nguyễn Du nhà thơ nổi tiếng đã viết truyện Kiều, sinh 3.1.1766, chết tháng 8.1820, trước tập ấm triều Lê sau ra làm quan triều Nguyễn.

Nguyễn Huy Tự (1743-1790) viết truyện Hoa Tiên.

Tháng 4.1821, Phan Huy Chú dâng "Lịch triều hiến chương loại chí" gồm 49 quyển.

Vua Minh Mạng ở ngôi 21 năm, sức làm việc rất đáng khâm phục, tất cả phê, bảo, dụ, chỉ, chế, cáo đều tự tay vua viết ra. Khi rỗi rãi ông còn làm thơ viết văn. Để lại 5 tập thơ, 2 tập văn và các bài "Thiên cơ dụ triệu", "Cổ khí minh văn" đều phát sinh đạo mầu mở rộng phép học.

Vua cũng viết ra 11 bài thơ trong đó có bài Đế Hệ thi và 10 bài phiên hệ thi dùng để đặt tên cho các con cháu đời sau.

Vua có rất nhiều con : 142 người gồm 64 Công chúa và 78 hoàng tử.

Tục truyền Minh Mạng có 1 toa thuốc cường dương nên có câu "Một đêm ngủ với sáu bà thì năm bà có thai".

Ông mất năm Canh Tý (1840) Hoàng Tử Miên Tông lên nối ngôi hiệu là Thiệu Trị.

THIỆU TRỊ HOÀNG ĐẾ (1841-1847)

Nguyễn phúc Miên Tông, con trưởng của vua Minh Mạng, mẹ là Tá Thiên Nhân hoàng hậu, sinh 1807, thọ 40 tuổi.

Hoàng tử Miên Tông lên ngôi năm 34, tuổi, ông là con thứ hai. Mẹ chết lúc mới 13 ngày tuổi được Thuận Thiên Cao hoàng hậu nuôi dưỡng, lên ngôi ở điện Thái Hòa hiệu là Thiệu Trị siêng năng chăm chỉ coi việc chính trị đều đặn ở điện Văn Minh, ngài gọi các đại thần bằng chức tước chứ không kêu tên như các vị vua khác. Là một nhà thơ trước tác có cả hàng ngàn bài thơ để lại

Các đại thần phò tá như Trương Đăng Quế, Tạ Quang Cự, Nguyễn Tri Phương, Võ Xuân Cẩn, Nguyễn Công Trứ, Doãn Uẩn...

Tháng 5 Tân Sửu (1841) khiến các quan bàn việc xử trí thành Trấn Tây. Tạ Quang Cự và các quan tâu rằng nên rút quân về nước.

Trước đó giặc già ở trấn Tây nổi lên như rươi có tên Sứ và tên Xuy trước làm An phủ sứ rồi lên làm loạn ở xứ Kiên Giang. Quan quân vất vả đánh dẹp không thắng. Vua ra lệnh rút quân về An Giang.

Nguyên khi trước việc kinh lý xứ Trấn Tây công của Trương Minh Giảng nhiều hơn đến bây giờ lui quân - Giảng thẹn và giận cáo đầu không chịu tiếp các tướng. Khi quân về đến An Giang thì Trương Minh Giảng chết.

Sau khi Việt quân rút khỏi đất Cao Man thì nước Xiêm chiếm đóng ngay, dân Chân Lạp ngày càng khốn khổ dưới sự áp bức của quân Xiêm nên lại chạy sang cầu cứu Việt Nam.

Tháng 6/1848 vua sai đại thần Võ Văn Giai đi kinh lược Nam Kỳ. Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn đánh quân Xiêm chiếm Nam Vang và giải phóng đất Chân Lạp - Tướng Xiêm là Chất Tri đưa thư xin giải hòa vua thuận cho.

Tháng 11/1845 Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn và tướng Xiêm là Chất Tri ước hòa và Hội quân. Chất Tri rút quân về nước.

Nguyễn Tri Phương ở lại Trấn Tây sau vua cho rút ra khỏi đất Cao Man về lại An Giang.

Tháng 2.1847 phong cho Nặc Don làm Cao Man Quốc Vương, Ngọc Vân làm Cao Man quận chúa, giặc giả ở phương Nam đã ổn định..

Thiệu Trị sắc xuống Nội các cho các thợ in sách Võ Kinh 45 bộ để phổ biến, lập khoa thi võ.

Nhằm ngày lễ Vạn Thọ nhân lúc tế Nam Giao cho khởi công khắc 9 chữ ‘Đại Nam Thọ Thiên Vĩnh Mệnh Truyền Quốc Chỉ’ trên ấn ngọc.

Tháng 9.1847 bộ Hộ kiểm kê dân số điền thổ, kho tàng : dân số đến năm 1847 là 1.029.501 hộ ; điền thổ : 4.278.013 mẫu ; tiền : 12.234.358 quan ; vàng : 48.741 lạng. Huyện Văn Quan tỉnh Lạng Sơn khai thác được mỏ vàng năm 1844 ;

Đào Tri Phú đi Tây về mua chiếc tàu thủy chạy hơi nước giá 280.000 quan tiền gọi là Điện phi hỏa cơ đại thuyền.

Năm Nhâm Dần (1842) sứ Tàu là Bửu Thanh đến Hà Nội làm lễ sách phong cho Thiệu Trị.

Thủy Xá (Hỏa Xá là dòng dõi người Nam Bân, Chiêm Thái hồi xưa nay cùng nhau cống nội cho nước ta vua của Thủy Xá là Vĩnh Liệt, vua của Hỏa Xá là Mạ thái.

Tháng 9.1847 hai chiếc tàu nước Anh đến cửa Hàn muốn dâng quốc thư. Triều đình không thuận nhưng tiễn đưa rất hậu. Vì trước đó vào năm 1844 tàu nước Anh mắc nạn ở Bình Thuận vua sai quân ra cứu nạn và đưa về Tôn Thất Thường là người đại diện cho Đại Nam để thương thuyết với nước Anh

Thời Minh Mạng lệnh cấm đạo rất gắt, đến khi Thiệu Trị lên ngôi thì nới nhẹ lệnh này. Trung tá thuyền trưởng Heroine là Favin vào Đà Nẵng xin vua giảm án vua bằng lòng và tha cho 5 người nhưng riêng giám mục Lefebver bị xử tử .

Năm sau thiếu tướng Cecile vào xin lần thứ hai, hai bên đang có sự giao hảo tốt thì vào tháng 3/1847 De Lapierre đang làm thương thuyết, hai tàu của Pháp đậu ở Đà Nẵng muốn lên bờ bị quân ta ngăn lại, quân Pháp biết không thể xâm phạm được, rồi đột nhiên nổ súng vào thuyền của triều đình làm 5 chiếc thuyền của ta bị đâm, Lãnh Binh Nguyễn Đức Chung, Ly Diên chết trận, ngày hôm sau chúng giương buồm chạy.

Vua và triều đình nổi giận về thái độ ngang ngược đó ra lệnh cấm đạo rất gắt chỉ mấy tháng sau khi ra lệnh này vua Thiệu Trị từ trần vào tháng 9/1847 làm vua được 7 năm thọ 41 tuổi.

Trong lịch sử nước ta vua Thiệu Trị được xem là một người rất uyên bác về văn học lịch sử khảo cổ và một nhà thơ –

Ông là người cực kỳ thông minh. Khi vua hỏi Trương Đăng Quế về lịch sử nước Xiêm, thấy triều thần có vẻ không thông lắm vua mới giải thích cho nghe : nước Xiêm nguyên xưa là Xích Thổ, sau chia làm 2 nước : Xiêm và La Hộc, La Hộc là đất trù phú giàu, Xiêm ăn nhờ. Sau vua La Hộc thôn tính nên gọi là Xiêm La Hộc... Vua giải thích về địa lý nhân văn, chính trị và chuyển biến lịch sử của nước này rồi đưa ra một giải pháp chính trị cho Xiêm La và Chân Lạp mà nước ta là chủ chốt... Có một lần

khác có 1 người dâng vua một cái nghiên mực không biết rõ xuất xứ, nghiên dài 7 tấc 4 phân, rộng 4 tấc 7 phân, dày 5 phân, đầu nghiên có khắc một bài minh "kỳ sắc ôn nhuận, kỳ chế cổ phác, hà dĩ tri chi, thạch cừ bí các, cải phong tức mặc, lan đài liên tức, Vĩnh nghi bửu chi, thơ thương thị thác" qua bài minh đó vua đã tính ra được xuất xứ tác giả và niên biểu của cái nghiên đó : gốc tích từ đời Hán, làm thành ở đời Tống là 1 báu vật đến giờ cách sau Hán Tống - Cái nghiên đã có từ 2.000 năm trước.

Vua lại ra một câu đố gồm có 56 chữ được thiết kế trên trận đồ bát quái vua bảo là có thể đọc thành 64 bài thơ, bài thơ đó nay được treo ở điện Long An nay là bảo tàng Viên Huế - câu đố hiểm hóc đó đã tồn tại trên 1 thế kỷ rưỡi mãi đến tháng 5/1995 mới có người giải mã được, người này tìm ra được ẩn số không phải chỉ đọc được 64 bài mà đọc được 96 bài (báo Ngày Nay số 330: 15/10/1995 HoustonTexas)